

PHỤ LỤC X

(Ban hành kèm theo Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

SỔ THEO DÕI LƯU LƯỢNG VẬN TẢI THÁNG NĂM 20

I. Phương tiện chở hàng hóa

ST T	Ngày tháng	Số đăng ký phươ ng tiện	Lượt phương tiện và tấn phương tiện												Ngu ời thực hiện (Ký, ghi rõ họ tên)
			Xuôi						Ngược						
			Từ 10 tấn đến dưới 50 tấn		Từ 50 tấn đến dưới 500 tấn (lượt)		Trên 500 tấn (lượt)		Từ 10 tấn đến dưới 50 tấn (lượt)		Từ 50 tấn đến dưới 500 tấn (lượt)		Trên 500 tấn (lượt)		
			Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	Có hàng (...Lư ợt/ ...tấn)	Khô ng hàng (...lư ợt/ ...tấn)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	01/01/20..														
															
	Tổng cộng														

II. Phương tiện chở khách

STT	Dưới 20 hành khách (lượt)		Từ 20 đến 50 hành khách (lượt)		Trên 50 hành khách (lượt)		Tổng cộng (lượt)		Người thực hiện (Ký, ghi rõ họ tên)
	Xuôi	Ngược	Xuôi	Ngược	Xuôi	Ngược	Xuôi	Ngược	

<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>

Nguồn: Thông tư 42/2021/TT-BGTVT